

## NGHIÊN CỨU VỀ XÒE THÁI TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI TỪ CÁCH TIẾP CẬN LỊCH SỬ, TỘC NGƯỜI VÀ KHU VỰC

**PGS.TS. Phạm Văn Lợi**  
**Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển**

***Tóm tắt:** Bài viết sử dụng các cách tiếp cận lịch sử, tộc người, khu vực học và nguồn tư liệu thu thập qua quá trình nghiên cứu, điền dã thực địa từ năm 2013 đến năm 2020 tại các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa và Nghệ An - vốn là địa bàn người Thái cư trú lâu đời và tập trung nhất ở Việt Nam để gợi mở một số hướng nghiên cứu, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của xòe Thái, tức nghệ thuật xòe Thái trong xã hội Việt Nam đương đại.*

***Từ khóa:** Xòe Thái, giá trị xòe Thái, tộc người Thái, xã hội đương đại.*

***Abstract:** This article uses historical, ethnological, and regional approaches together with fieldwork data from 2013 to 2020 in Yen Bai, Lai Chau, Dien Bien, Son La, Hoa Binh, Thanh Hoa, Nghe An provinces, which are the traditional inhabiting regions of the Thai people in Vietnam to provoke some research perspectives, the preservation, and management of the traditional dance of the Thai people, named Xoe dance and the art of Xoe dance of the Thai people in the contemporary society of Vietnam.*

***Keywords:** Xoe Thai, the values of the Xoe Thai dance, Thai people, contemporary society.*

*Ngày nhận bài: 31/3/2020; ngày gửi phản biện: 30/12/2020; ngày duyệt đăng: 29/1/2021*

### **Đặt vấn đề**

Xòe Thái - một điệu múa của dân tộc Thái là di sản văn hóa độc đáo, loại hình sinh hoạt văn hóa đặc biệt không thể thiếu trong đời sống của dân tộc Thái ở Việt Nam. Xòe Thái chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, xã hội, văn hóa, nghệ thuật..., đặc biệt là cách thức ứng xử, mối quan hệ xã hội của người Thái với người Thái và người Thái với các cộng đồng dân tộc khác trong và ngoài khu vực, ngoài quốc gia. Nghệ thuật xòe Thái đã được công nhận là di sản văn hóa cấp quốc gia ở một số tỉnh, nơi có đông người Thái sinh sống. Hiện tại, bộ hồ sơ quốc gia “Nghệ thuật xòe Thái” đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) trình Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) xem xét đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ. Song, nghiên cứu xòe Thái dưới các góc độ/cách tiếp cận khác nhau nhằm đưa ra các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của xòe Thái trong đời sống các cộng đồng cư dân, dân tộc, quốc gia, vẫn đang và sẽ tiếp

tục cần được quan tâm, triển khai, thực hiện. Bài viết sử dụng các cách tiếp cận “lịch sử”, “tộc người”, “khu vực học” và tư liệu thu thập qua quá trình nghiên cứu thực địa trong 7 năm (từ 2013 đến 2020) tại các tỉnh người Thái cư trú lâu đời và tập trung như Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, nhằm gợi mở một số hướng nghiên cứu, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của xòe Thái/nghệ thuật xòe Thái trong xã hội Việt Nam đương đại.

### **1. Đôi nét về người Thái và vùng Tây Bắc**

Đến nay, dù một số nhà khoa học cho rằng người Thái đã cư trú trên lãnh thổ Việt Nam từ rất lâu trong lịch sử; có đóng góp quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam (Hoàng Lương, 2012a, tr. 15-18; Hoàng Lương, 2012b, tr. 54-62; Trịnh Sinh, 2017, tr. 81-88). Song, về cơ bản đây mới là những giả thuyết khoa học, chưa được chứng minh thuyết phục bằng các chứng cứ khoa học. Đa số các nhà dân tộc học Việt Nam đều thống nhất rằng, người Thái di cư vào Việt Nam khoảng cuối thiên niên kỷ I, đầu thiên niên kỷ II sau Công Nguyên; cư trú trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay trên dưới 1.000 năm. Suốt thời gian đó, người Thái đã di cư dần từ phía bắc xuống phía nam và chuyển cư qua lại hai bên biên giới Việt - Lào. Hiện nay, người Thái có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trên đất nước ta, nhưng tập trung và là dân tộc thiểu số có số dân đông nhất ở khu vực Tây Bắc. Người Thái luôn có vai trò quan trọng đối với vùng Tây Bắc nói chung, với các dân tộc nơi đây nói riêng, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh,... Thậm chí, trong lịch sử người Thái đã từng có nhiều thời gian giữ vai trò chi phối ở vùng Tây Bắc, trong khi vùng này luôn là địa bàn chiến lược, trọng yếu về an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội... đối với khu vực và quốc gia; là vùng đất có nhiều tiềm năng và lợi thế, đặc biệt là tiềm năng, lợi thế về thủy điện, môi trường sinh thái. Những tiềm năng, lợi thế này cho đến nay vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, chưa được khơi dậy, phát huy, phát triển tương xứng với tầm vóc của khu vực, trong mối quan hệ, so sánh với các khu vực khác và cả nước.

Trên góc độ văn hóa và di sản văn hóa, người Thái ở Tây Bắc nói riêng, người Thái ở Việt Nam nói chung, đã tạo dựng một nền văn hóa với nhiều di sản to lớn, rực rỡ, từ các di sản văn hóa vật thể như nhà cửa, trang phục, ẩm thực... đến các di sản văn hóa phi vật thể là phong tục tập quán, lễ hội, âm nhạc, tôn giáo tín ngưỡng,... Bên cạnh đó, hệ thống truyền thuyết, truyện cổ, sử thi... ghi bằng chữ Thái cổ là nguồn sử liệu có giá trị. Nền văn hóa và di sản văn hóa của dân tộc Thái ở Việt Nam nói chung, vùng Tây Bắc nói riêng vô cùng quý giá, phong phú, đa dạng. Đây là những nhân tố quan trọng góp vào hành trang văn hóa tộc người, trong quá trình hội nhập với quốc gia, khu vực, quốc tế.

Trên góc độ quan hệ quốc tế, người Thái ở Việt Nam không chỉ có quan hệ nguồn gốc và kinh tế, văn hóa, xã hội... với người Thái ở Trung Quốc, Lào, Thái Lan mà địa bàn cư trú của họ còn là một dải vắt qua biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Trung Quốc - Lào, Lào -

Thái Lan. Lịch sử đã ghi nhận quá trình di cư của người Thái từ Nam Trung Quốc xuống Tây Bắc Việt Nam, Đông Bắc Lào và quá trình di cư qua lại hai bên biên giới Việt - Lào, Lào - Thái Lan,... Về cơ bản, khu vực Tây Bắc truyền thống ghi nhận quá trình người Thái di cư từ Việt Nam sang Lào và Thái Lan; ở miền Tây Thanh - Nghệ, người Thái di cư qua lại giữa Việt Nam và Lào,... Người Thái hiện không chỉ là cư dân chủ yếu của Vương quốc Thái Lan mà còn có mặt ở nhiều nước như Mỹ, Pháp, Canada, Úc,... Vì vậy, cộng đồng người Thái có vai trò quan trọng duy trì mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; góp phần giữ gìn, đảm bảo quốc phòng, an ninh cho Việt Nam và một số quốc gia khác.

Về vùng Tây Bắc, hiện có ít nhất 3 quan niệm với các phạm vi, mức độ ảnh hưởng rộng - hẹp khác nhau. Đầu tiên là vùng Tây Bắc liên quan trực tiếp đến Ban Chỉ đạo Tây Bắc, gồm 12 tỉnh và 21 huyện phía tây 2 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An (Chương trình Tây Bắc, 2016). Quan niệm “vùng Tây Bắc” này có phạm vi không gian lớn hơn so với 2 quan niệm khác đã và đang được sử dụng trong khoa học và cuộc sống. Quan niệm 2 liên quan đến điều kiện địa lý tự nhiên và các nhà địa lý học, cho rằng Tây Bắc là “miền đất của những núi cao và cao nguyên” nằm về phía tây sông Hồng, gồm khu vực phía tây tỉnh Yên Bái (thị xã Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn), Lào Cai (các huyện Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn, một phần Bảo Thắng và gần toàn bộ thành phố Lào Cai), các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình và khu vực phía tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An (Lê Bá Thảo, 1990, tr. 84-87). Đây cũng là khu vực cư trú truyền thống, chủ yếu của người Thái ở Việt Nam. Quan niệm 3 được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu về người Thái hoặc liên quan đến người Thái, vùng Tây Bắc nằm về phía tây sông Hồng, bao gồm phần phía tây 2 tỉnh Yên Bái, Lào Cai (như trên) và địa bàn các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình. Các nghiên cứu về người Thái ở Việt Nam thường sử dụng khái niệm Tây Bắc này để phân biệt với người Thái ở miền tây Thanh - Nghệ (Cầm Trọng, 1978; Vi Văn An, 2017). Vì vậy, để tiện cho việc phân tích, trình bày, bài viết này sử dụng khái niệm “Tây Bắc 12+2” cho quan điểm 1, “Tây Bắc” (quan điểm 2) và “Tây Bắc truyền thống” (quan điểm 3).

## 2. Tiếp cận lịch sử trong nghiên cứu xòe Thái

Cùng với quá trình di cư của người Thái vào Việt Nam và di cư của người Thái từ phía Bắc xuống phía Nam... những điệu xòe của người Thái đã được đưa vào, phát triển và lan tỏa ra nhiều vùng trên đất nước ta. Qua 1.000 năm tồn tại và phát triển, qua quá trình ứng xử với tự nhiên và giao lưu, tiếp biến văn hóa với các tộc người khác trong khu vực, xòe Thái ngày càng phát triển và hoàn thiện. Cuốn “*Xòe Thái: một giai đoạn phát triển độc đáo*” do nghệ sỹ múa Bùi Chí Thanh chủ biên, có sự tham gia của nhà dân tộc học người Thái Cầm Trọng đã viết: “Những bài dân ca, những bản nhạc dân gian, những họa tiết, hoa văn đẹp, độc đáo, thêu trên chăn, gối, trên quần áo, khăn *piêu* và những điệu *xòe* sơ khai từ thời cổ đại được đem vào Việt Nam và qua nhiều thế kỷ người Thái đã không ngừng phát triển và xây dựng cho bộ tộc mình một nền nghệ thuật xòe dân gian giàu có, đa dạng, phong phú, đặc sắc và rất

nổi tiếng” (Bùi Chí Thanh, 2007, tr. 35). Trong cuốn *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, nhà dân tộc học Cầm Trọng cho biết: “Ngày xưa, khi các đoàn quân chinh chiến của các nhóm Thái ra đi, các thủ lĩnh của họ thường mặc áo dài đỏ, dưới chân vạt áo có một đường họa tiết trang trí màu sắc sặc sỡ. Đoàn quân ấy rất thạo về tay kiếm, tay mộc, tay khiên..., từ đó dần dần xuất hiện điệu múa gọi là *xé lảng*, *xé pén* (múa mộc, múa khiên)” (Cầm Trọng, 1978, tr. 412). Cuộc sống lao động trong hái lượm, săn bắt, trồng trọt, chăn nuôi... là cội nguồn cảm hứng cho người Thái Việt Nam sáng tạo ra những điệu xòe đầu tiên, đặt nền móng cho nghệ thuật múa Thái giàu bản sắc, rực rỡ hiện nay. Từ những điệu xòe được sáng tạo ra phục vụ nghi lễ, mang tính tín ngưỡng, người Thái đã phát triển thành một hệ thống các điệu xòe phục vụ cuộc sống, sinh hoạt thường ngày. Tác giả Bùi Chí Thanh khẳng định: “Những điệu xòe, bài xòe Thái đã phản ánh, tái tạo chân thực và sâu sắc cuộc sống lao động cực nhọc, kiếm sống để tồn tại, chiến đấu bền bỉ, kiên cường để phát triển” (Bùi Chí Thanh, 2007, tr. 36). Và “Hàng trăm điệu xòe được sáng tác, phát triển từ những điệu xòe cổ truyền với nhiều thể loại, hình thành một nghệ thuật múa Thái (xòe Thái) đa dạng, phong phú, đặc sắc và nổi tiếng” (Bùi Chí Thanh, 2007, tr. 46).

Đầu thế kỷ XX, dựa trên nền tảng những điệu xòe dân gian, một số chúa đất ở các muông Thái lớn đã lựa chọn, xây dựng được những đội xòe chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp, với người biểu diễn, sáng tác, huấn luyện, chỉ đạo và đệm đàn riêng biệt. Ở không ít vùng cư trú, các chàng trai, cô gái Thái được chọn vào đội xòe từ 13 - 14 tuổi, được cấp ruộng và có những ưu đãi nhất định để có thể yên tâm học và biểu diễn “xòe”. Sự phát triển, kế tục những điệu xòe trong cộng đồng được chú trọng; nhiều điệu xòe cũ được sưu tầm, nâng cấp; nhiều điệu xòe mới được sáng tác; nhiều cuộc “đấu xỏ” biểu diễn xòe trong tiểu vùng hoặc toàn vùng được tổ chức,... Đặc biệt, thời gian này có những đội xòe của người Thái vùng Tây Bắc tham gia biểu diễn ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Vân Nam (Trung Quốc), Pari (Pháp),... Không chỉ chú trọng kế thừa, phát triển nghệ thuật xòe cổ truyền của dân tộc, người Thái còn tiếp thu âm nhạc, động tác múa, trang phục biểu diễn... của một số tộc người trong vùng để sáng tạo thêm các điệu xòe, làm giàu thêm nghệ thuật xòe của dân tộc.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, vùng cư trú của người Thái ở Tây Bắc truyền thống được giải phóng (vùng phía tây Thanh - Nghệ đã được giải phóng từ trước), nhiều nghệ sỹ biểu diễn, biên đạo, sáng tác, chỉ đạo nghệ thuật... của người Thái đã được đào tạo bài bản; nhiều hội diễn, hội thi nghệ thuật được tổ chức từ cấp bản tới cấp huyện, tỉnh, khu vực, quốc gia và quốc tế. Đặc biệt, sau năm 1986, khi đất nước bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, xòe Thái được biết đến rộng rãi trên bình diện quốc gia và quốc tế. Đó là chưa kể tới “xòe” của người Thái ở các quốc gia khác như Trung Quốc, Lào và Thái Lan cũng đã, đang ngày càng phát triển. Điều này cho thấy, xòe Thái có phạm vi và mức độ ảnh hưởng mang tính quốc gia, quốc tế về lịch sử, văn hóa, xã hội, khoa học và nghệ thuật.

Ngày 07/06/2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) Việt Nam đã có văn bản số 2118/BVHTTDL-DSVH đề nghị UBND các tỉnh nơi có di sản văn hóa phi vật thể xòe Thái chỉ đạo và tạo điều kiện cho Sở VHTTDL tiến hành kiểm kê, lập hồ sơ khoa học để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, theo Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL, ngày 30/6/2010 của Bộ VHTTDL. Văn bản này cũng khẳng định: “Sau khi di sản văn hóa phi vật thể xòe Thái được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, Bộ VHTTDL sẽ phối hợp với các tỉnh xây dựng kế hoạch lập hồ sơ trình UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể thế giới trong những năm tới”. Như đã đề cập, đến thời điểm hiện nay xòe Thái đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia ở một số tỉnh có đông người Thái cư trú, như Điện Biên (công nhận năm 2013), Lai Châu, Yên Bái (Mường Lò - Nghĩa Lộ) và Sơn La (công nhận năm 2015) (Đỗ Vũ và Thu Hà, 2016). Ngày 26/10/2016, Cục Di sản Văn hóa Việt Nam (Bộ VHTTDL) đã công bố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng hồ sơ quốc gia “Nghệ thuật xòe Thái” đề nghị UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Đình Hữu Dur, 2016). Ngày 21/03/2019, bộ hồ sơ quốc gia “Nghệ thuật xòe Thái” đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý giao cho Bộ VHTTDL Việt Nam ký, trình UNESCO xem xét đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (Chính phủ, 2019).

### **3. Tiếp cận tộc người và khu vực trong nghiên cứu xòe Thái**

Là một dân tộc xuyên quốc gia hay đa quốc gia nên khi nghiên cứu về người Thái và xòe Thái, chúng ta không chỉ quan tâm đến góc độ quốc gia mà còn quan tâm đến cả góc độ quốc tế. Bởi lẽ, ngoài lãnh thổ Việt Nam, người Thái còn sinh sống ở nhiều nước trên thế giới, mà đông nhất là Thái Lan, tiếp theo ở Trung Quốc và Lào, 3 quốc gia cận kề với Việt Nam. Trong đó, Trung Quốc và Lào có chung đường biên giới trên đất liền với nước ta, cũng là 2 nước đã xác minh thành phần dân tộc trong quốc gia như nước ta (thực hiện năm 1979) và ở cả 2 nước này, người Thái đều là một trong các dân tộc thiểu số như Việt Nam. Thái Lan không có chung đường biên giới trên đất liền với Việt Nam và không tiến hành xác minh thành phần dân tộc, nhưng là quốc gia duy nhất trên thế giới người Thái là dân tộc đa số. Ngoài ra, người Thái còn cư trú, với số lượng, thời gian khác nhau ở nhiều nước trên thế giới, từ đông sang tây, từ Châu Âu đến Châu Mỹ, Châu Úc.

Năm 1949, ngay sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc đã nhanh chóng xác minh thành phần dân tộc và công bố một danh sách 56 dân tộc. Trong 55 dân tộc thiểu số (ngoài Hán là dân tộc đa số, chiếm 92% dân số cả nước), dân tộc Thái có trên 1 triệu dân. Một số nhà khoa học ở Việt Nam và Trung Quốc cho rằng, Choang - dân tộc thiểu số có dân số đông nhất ở Trung Quốc, với trên 16 triệu người, là dân tộc có nhiều nét tương đồng với các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam; dân tộc Thái (Trung Quốc) tương đồng với dân tộc Thái và dân tộc Lự ở Việt Nam (Vũ Trường Giang, 2018, tr. 38). Thậm chí, một

số nhà ngôn ngữ học Việt Nam còn cho rằng, nhóm ngôn ngữ Tày-Thái ở Việt Nam tương đồng với nhóm ngôn ngữ Choang-Thái ở Trung Quốc (Vương Toàn, 2018, tr. 133).

Với Lào, năm 1985, 10 năm sau khi được thành lập, Nhà nước Lào đã xây dựng và công bố một danh mục thành phần dân tộc với 47 đơn vị (dân tộc/bộ tộc) (Nguyễn Duy Thiệu, 1996, tr. 29). Đến 1990, nhà dân tộc học Nguyễn Duy Thiệu và Khămbay Nhundalat - Viện trưởng Viện Văn hóa Lào đã cho ra đời một danh mục với 38 tộc người ở Lào, trong đó Phu Thay là tộc người thiểu số có dân số đông nhất cả nước (441.479 người), sau dân tộc Lào - dân tộc đa số, với 1.804.102 người (Nguyễn Duy Thiệu, 1996, tr. 30-31). Năm 2005, một danh mục thành phần dân tộc ở Lào gồm 49 dân tộc/bộ tộc đã được Nhà nước Lào thông qua và đưa vào sử dụng (Chính phủ, 2009). Điều quan trọng là trong 3 bản danh mục này đều có dân tộc Phu Thay (Phu = Người, Thay = Thái = Tay) với nhiều nhóm địa phương có tên gần tương tự các nhóm người Thái ở Việt Nam như Thái Đen, Thái Trắng, Tày Mường, Tày Thanh,... Thêm nữa, người/dân tộc Phu Thay và dân tộc Lào (ở Lào) đều được “xếp vào dòng Thái” và “tiếng nói của dòng ngôn ngữ này khá thống nhất” (Nguyễn Duy Thiệu, 1996, tr. 43).

Theo số liệu thống kê dân số năm 2013, Vương quốc Thái Lan có 67.820.153 người, trong đó người/dân tộc Thái chiếm 75% số dân cả nước, còn lại là người Hoa (chiếm 14%), người Mã Lai (3%) và các dân tộc thiểu số khác như Môn, Kơ-me, Hmông, Dao,... (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2019). Người/dân tộc Thái cũng như ngôn ngữ Thái ở Thái Lan ít nhiều có sự khác biệt giữa người Thái ở khu vực xung quanh Băng Cốc - thủ đô của Thái Lan với người Thái ở phía Bắc, người Thái ở vùng Tây Bắc, và người Thái ở phía Nam đất nước Thái Lan.

Trên góc độ quốc gia, trong quá trình di cư và định cư suốt hơn 1.000 năm qua, dân tộc Thái ở Việt Nam đã cùng cộng cư, giao thoa, ảnh hưởng qua lại về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường với rất nhiều dân tộc, từ các dân tộc cư trú ở khu vực Tây Bắc như Kơ-mú, Xinh-mun, Mảng, Kháng... (nhóm ngôn ngữ Môn-Kơ-me, ngữ hệ Nam Á) đến các dân tộc Việt, Mường, Thổ, Chứt (nhóm Việt-Mường, ngữ hệ Nam Á); các dân tộc Tày, Nùng, Lào, Lự, Bô Y... (cùng nhóm ngôn ngữ Tày-Thái, ngữ hệ Thái-Kadai); các dân tộc Hmông, Dao, Pà Thên (ngữ hệ Hmông-Dao), Hoa, Công, Hà Nhi... (ngữ hệ Hán-Tạng). Gần đây, khi người Thái ở Tây Bắc Việt Nam di cư vào phía Nam, từ khu vực Tây Nguyên đến đồng bằng sông Cửu Long và một vài khu vực khác, làm xuất hiện quan hệ giao lưu, ảnh hưởng lẫn nhau giữa người/dân tộc Thái với cư dân các dân tộc khác, cư trú tại các khu vực đó, như Ba-na, Xơ-đăng, Mnông, Cơ-ho... (nhóm Môn-Kơ-me), Ê-đê, Gia-rai, Chu-ru... (ngữ hệ Nam Đảo) ở Tây Nguyên; người Hoa, Kơ-me, Chăm... ở đồng bằng sông Cửu Long. Và cũng không thể không đề cập đến mối quan hệ tác động qua lại ngày càng đậm nét giữa người Thái ở Tây Bắc với người Việt (Kinh) ở đồng bằng Bắc Bộ từ xa xưa trong lịch sử và những người Việt di cư lên sinh sống ở khu vực Tây Bắc ngày càng đông, trong vài chục năm gần đây.

Dưới góc nhìn khu vực học, vùng Tây Bắc có thể chia thành các tiểu khu vực hoặc tiểu vùng khác nhau, với mức độ giao lưu, ảnh hưởng qua lại giữa dân tộc Thái và các dân tộc khác. Cụ thể, tiểu khu vực đông bắc của vùng Tây Bắc (gồm phần phía tây 2 tỉnh Yên Bái, Lào Cai), nơi có sự giao thoa, ảnh hưởng qua lại nổi trội giữa người Thái với người Tày; tiểu khu vực phía bắc của vùng Tây Bắc, tính từ phía bắc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trở lên, bao gồm hầu hết tỉnh Sơn La, toàn bộ tỉnh Điện Biên và Lai Châu, nơi có sự giao thoa, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau đậm nét giữa người Thái và các dân tộc Môn-Khơ me (Khơ-mú, Xinhmun, Mảng, Kháng); tiểu khu vực từ huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trở xuống, gồm một phần tỉnh Sơn La, toàn bộ tỉnh Hòa Bình và tây bắc Thanh Hóa, nơi có sự giao lưu, ảnh hưởng qua lại giữa người Thái với người Mường; tiểu khu vực phía nam của Tây Bắc gồm phần phía tây nam tỉnh Thanh Hóa và toàn bộ phía tây tỉnh Nghệ An, nơi có sự ảnh hưởng qua lại giữa người Thái ở Việt Nam với người Phu Thay ở Lào. Bên cạnh đó, quan hệ giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa người Thái với các dân tộc Môn-Khơ me, cư trú lâu đời với người Việt ở vùng thấp và quan hệ giao lưu, tác động lẫn nhau giữa người Thái ở Việt Nam và người Phu Thay ở Lào luôn thể hiện đậm nét trên toàn tuyến biên giới Việt - Lào thuộc vùng Tây Bắc.

Trên quan điểm tiếp cận tộc người, việc nghiên cứu xòe Thái ở Việt Nam cần có sự quan tâm đúng mức tới mối quan hệ nguồn gốc giữa xòe của người Thái ở Việt Nam và xòe của người Thái, người Choang ở tây nam Trung Quốc; xòe của người Lào, người Phu Thay ở Lào và người Thái ở Thái Lan. Đặc biệt, với người Phu Thay ở Lào, không chỉ quan tâm tới quan hệ nguồn gốc mà còn tính đến quan hệ giao lưu qua lại lẫn nhau giữa họ với người Thái ở Việt Nam. Bởi vì trong hơn 1.000 năm, người Thái ở Việt Nam và người Phu Thay ở Lào luôn có quan hệ từ nguồn gốc đến các quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội..., trong đó có các quan hệ giao lưu, tiếp biến về xòe. Theo đó, vào thời điểm hiện tại, xòe của người Thái ở Nghệ An và nhiều bản làng người Thái cạnh biên giới Việt - Lào có nhiều dấu ấn của sự tác động lẫn nhau với xòe của người Phu Thay ở Lào. Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa ở các khu vực này đã dẫn tới sự hiện diện của điệu múa *Lăm vông* có nguồn gốc từ người Lào, trong các hoạt động xòe của cộng đồng dân tộc Thái ở Việt Nam, đặc biệt là ở Nghệ An và các bản làng của người Thái ở giáp biên giới Việt - Lào. Sự giao thoa văn hóa giữa các cộng đồng tộc người cùng nguồn gốc, cùng cư trú trong một khu vực là hết sức bình thường, song không vì thế mà dẫn đến quan điểm tách biệt cho rằng “Người Lào (hay người ở Lào) có *Lăm vông*; người Thái có xòe vòng” (Hoàng Bích, 1975, tr. 86). Trong khi nhìn ở góc độ ngữ nghĩa, “*Lăm vông*” cũng có nghĩa là múa vòng, được sử dụng trong những dịp vui, khi đón tiếp khách và chia tay khách. Vi Văn An - nhà dân tộc học người Thái, quê ở Con Công, Nghệ An, khẳng định: “*Lăm vông* là điệu múa truyền thống nổi tiếng của người Lào, được người Thái ở Nghệ An tiếp thu” và cho biết thêm: “Đây là điệu múa nổi tiếng thứ ba” của người Thái Nghệ An. Khi so sánh với xòe của người Thái ở Tây Bắc truyền thống tác giả viết: “Nếu như người Thái Tây Bắc rất yêu thích múa xòe (6 điệu xòe), thì người Thái Nghệ An lại rất thích điệu múa *Lăm vông*” (Vi Văn An, 2017, tr. 315).

Tương tự như vậy, cần quan tâm đến sự ảnh hưởng qua lại giữa các tộc người trong từng vùng/tiểu vùng với nhau, trên các góc độ về động tác, âm nhạc và cả trang phục của những người biểu diễn xòe. Theo đó, xòe Thái ở tiểu khu vực đông bắc của vùng Tây Bắc, nơi tiếp giáp với người Tày, có sự ảnh hưởng qua lại với múa Tày; xòe Thái ở tiểu khu vực từ huyện Phù Yên (Sơn La), qua Hòa Bình đến gần toàn bộ tỉnh Thanh Hóa, có sự ảnh hưởng qua lại khá đậm nét với nghệ thuật múa Mường. Thậm chí, vào thời điểm hiện nay, khi đến với bản Lác (Chiềng Châu, Mai Châu, Hòa Bình) có thể dễ dàng được thưởng thức những điệu múa Mường do các cô gái Thái trong bản biểu diễn (với trang phục Mường). Tuy vậy, không thể không chú ý đến xòe của người Thái ở đây, bởi trong thực tế họ đang duy trì một nghệ thuật múa dân gian phong phú không thua kém xòe Thái ở các tiểu vùng khác. Những điệu xòe của người Thái ở bản Lác nói riêng, ở Mai Châu, Hòa Bình nói chung, có vai trò tương đối quan trọng trong việc thu hút và giữ chân khách du lịch đến và ở lại bản. Tác giả Lò Cao Nhum khẳng định: “Ở Mường Mùn (Mai Châu), múa là hình thức sinh hoạt vui nhộn hình thành từ xa xưa với rất nhiều điệu múa xòe: múa vòng (xòe vòng), xòe hoa, xòe khăn, múa ông bồng, múa kiếm, múa trống chiêng, *keng lóng*,...” (Lò Cao Nhum, 2001, tr. 30). Hiện tại, người Thái ở miền tây Nghệ An cũng duy trì nghệ thuật múa dân gian truyền thống phong phú và đặc sắc, ngoài điệu *Lăm vông* như đã đề cập, họ còn duy trì các điệu múa nổi tiếng khác như: múa trống chiêng (*phon công công*), múa sạp (hay nhảy sạp), múa “giỗ ống (*tàng bu*)” (Vi Văn An, 2017, tr. 315). Đương nhiên, các điệu múa này cũng đã và đang góp phần thu hút khách du lịch đến và nghỉ tại các bản du lịch cộng đồng của người Thái trong khu vực.

Có thể khẳng định, cho đến nay, các công trình nghiên cứu lớn, tiêu biểu về xòe Thái cơ bản vẫn chủ yếu tập trung tìm hiểu, giới thiệu “xòe” của người Thái ở vùng Tây Bắc truyền thống (Bùi Chí Thanh, 2007), các điệu xòe của người Thái ở huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Lâm Tô Lộc, 1985). Từ năm 2013 đến 2016, xòe của người Thái ở các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái đã được lập hồ sơ và công nhận là di sản văn hóa cấp quốc gia. Rất có thể, bộ hồ sơ “Nghệ thuật xòe Thái” trình UNESCO cũng chủ yếu đề cập đến xòe của người Thái ở 4 tỉnh kể trên. Khi giới thiệu về vấn đề này, tác giả Trúc Diệp viết: “Nghệ thuật xòe Thái là loại hình múa truyền thống đặc sắc gắn liền với đời sống của đồng bào Thái vùng Tây Bắc Việt Nam, đặc biệt là tại các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái” (Trúc Diệp, 2019). Trong *Báo cáo tổng hợp kiểm kê về Nghệ thuật xòe Thái*, thuộc Hồ sơ ứng cử Quốc gia vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, bao gồm “Báo cáo tổng hợp kiểm kê di sản Nghệ thuật xòe Thái” và “Phụ lục” đều ghi rõ thông tin, số liệu liên quan đến xòe của người Thái ở 4 tỉnh trên (Bùi Quang Thanh, 2018). Đặc biệt, thời gian gần đây, tại các điểm du lịch của người Thái ở Tây Bắc truyền thống, xòe luôn là một món ăn tinh thần được đưa ra biểu diễn để đón tiếp khách; được du khách yêu thích. Thậm chí, một số lễ hội xòe đã được xây dựng, tổ chức ở Nghĩa Lộ, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, với qui mô lớn, thu hút hàng ngàn người tham gia. Song, rất có thể trong số những điệu xòe đã xuất hiện, đang tồn tại ở vùng đất này không có nguồn gốc từ người Thái, mà được người

Thái tiếp thu từ một hoặc vài tộc người Môn-Khơ me trong khu vực rồi nâng cấp thành xòe của người Thái, tương tự như ngôi nhà hình mai rùa và chiếc *khau cút* của người Thái ở nơi đây đã được tiếp thu từ các dân tộc Môn-Khơ me (Phạm Văn Lợi, 2013, tr. 25-35). Các nghiên cứu về “Xòe Thái”, “Nghệ thuật xòe Thái” ở tiểu khu vực này, cũng như các tiểu khu vực khác và trên toàn vùng Tây Bắc, trong tương lai cũng cần quan tâm, đặt ra mục đích, nhiệm vụ làm rõ được điều này. Chỉ có như vậy, các nghiên cứu mới có thể góp phần tích cực vào việc quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của xòe Thái trong đời sống các cộng đồng cư dân hiện nay và mai sau. Cụ thể, các nghiên cứu theo hướng đó sẽ góp phần phát triển du lịch/du lịch cộng đồng ở vùng Tây Bắc, tăng cường tình đoàn kết giữa dân tộc Thái với các dân tộc khác trong vùng, tăng cường tình hữu nghị gắn bó giữa Việt Nam với các nước có dân tộc Thái cư trú, đặc biệt là quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Thái Lan.

### **Một vài nhận xét**

*Một là*, người Thái là một trong số ít dân tộc thiểu số đã cư trú ở Việt Nam đến hiện nay trên dưới 1.000 năm. Trong suốt thời gian đó, người Thái đã di cư dần từ phía Bắc xuống phía Nam và di cư qua lại dọc 2 bên biên giới Việt - Lào. Hiện nay, dù đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trên đất nước ta, nhưng người Thái vẫn cư trú tập trung và là dân tộc thiểu số có số dân đông nhất ở vùng Tây Bắc, bao gồm các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa và Nghệ An. Vì vậy, người Thái luôn giữ vai trò quan trọng đối với vùng Tây Bắc nói chung và với các dân tộc trong khu vực nói riêng, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

*Hai là*, trên góc độ lịch sử, cùng với quá trình di cư của người Thái vào Việt Nam và di cư dần từ phía Bắc xuống phía Nam, di cư qua lại hai bên biên giới Việt - Lào, những điệu xòe của người Thái đã được đưa vào, phát triển và lan rộng ra nhiều vùng trên cả nước Việt Nam. Qua trên dưới 1.000 năm tồn tại và phát triển, qua quá trình ứng xử, thích ứng với tự nhiên và giao lưu, tiếp biến văn hóa với các tộc người khác trong và ngoài khu vực, xòe Thái ngày càng phát triển từng bước từ dân gian, dân vũ lên chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp, với các đội xòe, nghệ sỹ xòe được đào tạo bài bản, các điệu xòe độc đáo được sáng tác nhiều hơn. Hiện tại, xòe Thái/Nghệ thuật xòe Thái ở 4 tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và bộ hồ sơ quốc gia *Nghệ thuật xòe Thái* đã được hoàn thiện trình Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa của Liên hiệp quốc để Liên hiệp quốc xem xét đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

*Ba là*, trên góc độ tộc người và khu vực học, xòe Thái là một bộ môn nghệ thuật của một dân tộc có chung nguồn gốc lịch sử, cư trú liền một dải vắt qua biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Lào - Trung Quốc và Lào - Thái Lan. Tại khu vực Tây Bắc Việt Nam, xòe Thái cũng là sản phẩm/kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa lâu dài giữa dân tộc Thái với nhiều dân tộc khác trong và ngoài khu vực. Trong đó, nổi trội là mối quan hệ giao lưu,

tiếp biến giữa xòe Thái với múa của người Tày ở tiểu vùng đông bắc của vùng Tây Bắc; giao lưu, tiếp biến giữa xòe Thái với múa của các dân tộc Môn-Khơ me ở tiểu vùng phía Bắc; giao lưu, tiếp biến với múa Mường ở tiểu vùng từ huyện Phù Yên, Sơn La, qua Hòa Bình đến gần hết tỉnh Thanh Hóa; giao lưu, tiếp biến giữa xòe Thái với múa của người Phu Thày ở miền tây Nghệ An. Đó là chưa kể tới quan hệ giao lưu, tiếp biến giữa xòe Thái với múa của người Việt, đặc biệt là múa hiện đại của người Việt và tác động của văn hóa phương Tây đến xòe Thái.

*Bón là*, cho đến thời điểm hiện nay, các công trình nghiên cứu mới chỉ quan tâm tới xòe Thái ở khu vực Tây Bắc truyền thống, chủ yếu ở 4 tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La. Cũng chỉ có xòe Thái của 4 tỉnh này được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và bộ hồ sơ *Nghệ thuật xòe Thái trình UNESCO* có lẽ cũng chủ yếu liên quan đến xòe Thái ở 4 tỉnh này. Chưa có các nghiên cứu lớn về xòe Thái ở 3 tỉnh còn lại trong khu vực là Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. Đặc biệt, chưa có những công trình nghiên cứu xứng tầm về xòe Thái ở Tây Bắc Việt Nam thể hiện được các quan hệ tộc người và khu vực như vừa đề cập. Nếu quan tâm đến vấn đề đó, các nghiên cứu sẽ góp phần phát triển du lịch/du lịch cộng đồng ở người Thái và vùng Tây Bắc; đóng góp cho tình đoàn kết giữa dân tộc Thái với các dân tộc khác trong khu vực, tăng cường hữu nghị gắn bó giữa Việt Nam với các nước có người Thái cư trú, đặc biệt là quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Việt Nam với Trung Quốc, Việt Nam với Thái Lan. Nghĩ là các công trình nghiên cứu này sẽ góp phần tích cực vào việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của xòe Thái trong đời sống các cộng đồng cư dân, dân tộc, quốc gia Việt Nam và các nước có người Thái sinh sống, trong thời đại ngày nay.

### Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (2017), *Người Thái ở Miền tây Nghệ An*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Hoàng Bích (1975), “Giới thiệu xòe Thái Tây Bắc”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Số 7.
3. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2019), *Tài liệu cơ bản về Vương quốc Thái Lan*, trên trang <http://mofahcm.gov.vn> (Truy cập ngày 30/8/2019).
4. Chính phủ (2009), *Giới thiệu chung về nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, trên trang <http://chinhphu.vn>, cập nhật tháng 12/2009 (Truy cập 30/8/2019).
5. Chính phủ (2019), *Tin Chí đạo - Điều hành ngày 21/03/2019*, trên trang <http://media.chinhphu.vn> (Truy cập ngày 29/8/2019).
6. Chương trình Tây Bắc (2016), *Giới thiệu chương trình Tây Bắc*, trên trang <http://taybac.vnu.edu.vn> (Truy cập ngày 11/4/2018).
7. Trúc Diệp (2019), *Trình UNESCO hồ sơ "Nghệ thuật Xòe Thái" và "Nghệ thuật làm gốm của người Chăm*, trên trang <http://giaoduc.net.vn>, đăng ngày 05/02/2019 (Truy cập ngày 30/8/2019).

8. Đinh Hữu Dur (2016), *Xây dựng Hồ sơ quốc gia trình UNESCO công nhận xòe Thái là di sản thế giới*, trên trang <http://baotintuc.vn> (Truy cập ngày 3/3/2018).
9. Vũ Trường Giang (Chủ biên, 2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Lò Cao Nhum (2001), “Mường Mùn, Một tiểu vùng văn hóa Thái ở Hòa Bình”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Số 7.
11. Lâm Tô Lộc (1985), *Xòe Thái*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
12. Phạm Văn Lợi (2012), “Ngôi nhà hình mai rùa: Sự giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày-Thái và nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer”, trong: Kỷ yếu Hội thảo Thái học toàn quốc lần VI: “*Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái-Kadai: Truyền thống, hội nhập và phát triển*”.
13. Hoàng Lương (2012a), “Báo cáo đề dẫn tộc danh Tày Mường: Hiện tượng độc đáo của người Thái Thanh Hóa - Nghệ An”, trong: Kỷ yếu Hội thảo Thái học toàn quốc lần VI: *Cộng đồng các tộc người Ngữ hệ Thái-Kadai ở Việt Nam - Truyền thống, hội nhập và phát triển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 15-18.
14. Hoàng Lương (2012b), “Văn hóa Thái cổ trong lòng Xứ Thanh”, trong: *Cộng đồng các tộc người Ngữ hệ Thái-Kadai ở Việt Nam-Truyền thống, hội nhập và phát triển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 54-62.
15. Trịnh Sinh (2017), “Người Thái ở Nghệ An qua một vài so sánh khảo cổ, dân tộc học”, trong: Kỷ yếu Hội thảo Thái học toàn quốc lần VI: *Phát huy vai trò, bản sắc cộng đồng các dân tộc Thái-Kadai trong hội nhập và phát triển bền vững*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 81-88.
16. Bùi Chí Thanh (Chủ biên, 2007), *Xòe Thái: một giai đoạn phát triển độc đáo*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
17. Bùi Quang Thanh (2018), *Báo cáo Tổng hợp kiểm kê di sản Nghệ thuật xòe Thái*, trên trang <http://dsvhpxt.dsvh.gov.vn> (Truy cập ngày 24/3/2020).
18. Nguyễn Duy Thiệu (1996), *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Vương Toàn (2018), “Nhóm Choang-Thái ven biên giới Việt - Trung: Thêm một số nét tương đồng và khác biệt điển hình về ngôn ngữ và văn hóa truyền thống”, trong: *Nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa các dân tộc Trung Quốc và các nước Đông Nam Á*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế, Đại học Dân tộc Quảng Tây Trung Quốc.
20. Chăm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Đỗ Vũ và Thu Hà (Tổng hợp) (2016), *Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia* (được công nhận từ đợt 1 (27-12-2012) đến đợt 13 (15-4-2016), trên trang <http://thegioidisan.vn> (Truy cập ngày 3/3/2018).